



形 式	パイプサイズ	ϕd	L_1	L_2	T	T_1	ϕA
PHD4	$\phi 4$	3	13.5	19.5	M8×1.0	R $\frac{1}{8}$	11
PHD6	$\phi 6$	4	14	22	M10×1.0	R $\frac{1}{8}$	14
PHD8	$\phi 8$	6	19	30	M14×1.5	R $\frac{1}{4}$	18
PHD10	$\phi 10$	8	22	32	M16×1.5	R $\frac{1}{4}$	20